# PHẦN VĂN BẢN KHÁC

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

| THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 609/QĐ-TTg | *Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2014* |

**QUYẾT ĐỊNH**
**Về việc phê duyệt Quy hoạch xử lý chất thải rắn Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, ý kiến thẩm định của Bộ Xây dựng,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch xử lý chất thải rắn Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi nghiên cứu, lập quy hoạch:

Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của Thủ đô Hà Nội với tổng diện tích 3.344,6 $km^2$.

2. Quan điểm quy hoạch:

- Phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Quy hoạch sử dụng đất; Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050; Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch chuyên ngành khác có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Phù hợp với các điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn và khả năng khai thác quỹ đất.

- Quy hoạch xử lý chất thải rắn Hà Nội nhằm giảm thiểu phát sinh chất thải rắn tại nguồn, tăng cường tái sử dụng, tái chế để giảm khối lượng chất thải rắn phải chôn lấp; đáp ứng nhu cầu thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn của thành phố theo từng giai đoạn.

- Chất thải rắn phải được phân loại tại nguồn. Việc thu gom, xử lý phải ưu tiên sử dụng công nghệ tiên tiến, phù hợp. Hạn chế việc chôn lấp nhằm tiết kiệm tài nguyên đất và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Chất thải rắn nguy hại được thu gom vận chuyển và xử lý theo quy định đảm bảo không phát tán ra môi trường.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng, tham gia hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn.

3. Mục tiêu quy hoạch:

- Cụ thể hóa định hướng quy hoạch xử lý chất thải rắn Thủ đô Hà Nội trong Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Dự báo tổng lượng chất thải rắn phát sinh, nhu cầu xử lý chất thải rắn, xác định các hình thức thu gom vận chuyển và xử lý chất thải rắn; xác định vị trí quy mô các trạm trung chuyển, khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

- Làm cơ sở cho việc triển khai các dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng hệ thống thu gom, vận chuyển, các trạm trung chuyển, các khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

4. Tiêu chuẩn quy hoạch xử lý chất thải rắn:

Căn cứ vào quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, một số chỉ tiêu quy hoạch cơ bản như sau:

Tiêu chuẩn tính toán, tỷ lệ thu gom chất thải rắn:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Năm 2020: Tỷ lệ thu gom khu vực đô thị khoảng 85% - 100%, nông thôn khoảng 70% - 80%.

+ Năm 2030: Tỷ lệ thu gom khu vực đô thị khoảng 90% - 100%, nông thôn khoảng 80% - 95%.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Năm 2020 tỷ lệ thu gom khu vực đô thị là 80% - 100%, nông thôn 60% - 80%.

+ Năm 2030 tỷ lệ thu gom khu vực đô thị là 85% - 100%, nông thôn là 70% - 90%.

- Chất thải rắn công nghiệp:

+ Năm 2020, tỷ lệ thu gom 80% - 90%;

+ Năm 2030, tỷ lệ thu gom 100%.

- Chất thải rắn y tế:

Tỷ lệ thu gom là 100%. Trong đó chất thải rắn nguy hại khoảng 20%, chất thải rắn thông thường khoảng 80%.

- Phân bùn bể phốt:

+ Năm 2020 tỷ lệ thu gom khu vực đô thị khoảng 85% - 100%, nông thôn khoảng 65% - 85%;

+ Năm 2030 tỷ lệ thu gom khu vực đô thị khoảng 90% - 100%, nông thôn khoảng 70% - 90%.

- Bùn thải thoát nước: Tỷ lệ thu gom là 100%.

5. Dự báo nhu cầu quy hoạch

a) Dự báo khối lượng chất thải phát sinh

| STT | Loại chất thải rắn (CTR) | Năm 2020 (Tấn/ngày đêm) | Năm 2030 (Tấn/ngày đêm) | Năm 2050 (Tấn/ngày đêm) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | CTR sinh hoạt | 8.500 | 11.300 | 15.900 |
| 2 | CTR xây dựng | 2.100 | 3.400 | 4.800 |
| 3 | CTR công nghiệp | 1.700 | 1.900 | 1.900 |
| 4 | CTR y tế | 90 | 150 | 280 |
| 5 | Phân bùn bể phốt | 1.500 | 1.800 | 2.100 |
| 6 | Bùn thải thoát nước | 260 | 350 | 400 |
| | **Tổng** | **14.150** | **18.900** | **25.380** |

b) Dự báo nhu cầu sử dụng đất

| STT | Hạng mục | Hiện trạng | Năm 2020 (ha) | Năm 2030 (ha) | Năm 2050 (ha) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Khu xử lý | 130,15 | 253,65 | 422,65 | 515,95 |
| 2 | Bãi đổ chất thải xây dựng và bãi chôn lấp bùn thải thoát nước | 27 | 74 | 158 | 409 |
| | **Tổng** | **157,15** | **327,65** | **580,65** | **924,95** |

6. Nội dung quy hoạch:

a) Quy hoạch phân vùng xử lý chất thải rắn:

- Nguyên tắc phân vùng

+ Hình thành các khu xử lý có quy mô phù hợp đáp ứng nhu cầu phục vụ trước mắt và lâu dài.

+ Cự ly vận chuyển và tuyến vận chuyển hợp lý, hạn chế cắt qua khu đô thị.

+ Kết hợp với định hướng quy hoạch giao thông trong Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Nội dung phân vùng

+ Vùng I - Khu vực phía Bắc: Bao gồm khu vực nội đô lịch sử, các quận (Nam Từ Liêm, Bắc Từ Liêm, Long Biên và một phần huyện Thanh Trì), các huyện (Mê Linh, Đông Anh, Gia Lâm, Sóc Sơn), diện tích khoảng 1.150 $km^2$.

+ Vùng II - Khu vực phía Nam: Bao gồm một phần huyện Thanh Trì, một phần quận Hà Đông, các huyện (Phú Xuyên, Thường Tín, Thanh Oai, Ứng Hòa, Mỹ Đức), diện tích khoảng 990,0 $km^2$.

+ Vùng III - Khu vực phía Tây: Bao gồm một phần quận Hà Đông, các huyện (Đan Phượng, Hoài Đức, Phúc Thọ, Quốc Oai, Ba Vì, Thạch Thất, Chương Mỹ), nội và ngoại thị xã Sơn Tây, diện tích khoảng 1.204,6 $km^2$.

b) Phân loại, thu gom và vận chuyển chất thải rắn

- Phân loại:

+ Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn thành 3 loại: Chất thải rắn hữu cơ (rau, quả, thức ăn thừa…); chất thải rắn vô cơ có thể tái chế (giấy, nhựa, kim loại…); các loại chất thải rắn còn lại.

+ Chất thải rắn công nghiệp được phân thành 2 loại (chất thải rắn công nghiệp nguy hại và chất thải rắn công nghiệp thông thường).

+ Chất thải rắn y tế được phân thành 2 loại (chất thải rắn y tế nguy hại và chất thải rắn y tế thông thường). Trong đó chất thải rắn y tế thông thường tiếp tục được phân loại như chất thải rắn sinh hoạt.

- Thu gom, vận chuyển chất thải rắn:

+ Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn y tế thông thường được thu gom từ nơi phát sinh đến trạm trung chuyển chất thải rắn rồi chuyển về các khu xử lý chất thải rắn theo quy hoạch của từng vùng.

+ Chất thải rắn làng nghề được thu gom vận chuyển từ điểm tập kết của làng nghề về các khu xử lý chất thải rắn theo quy hoạch.

+ Chất thải rắn nông thôn được thu gom, vận chuyển hàng ngày hoặc cách ngày đến điểm tập kết chất thải rắn của thôn, xã và được vận chuyển đến các khu xử lý chất thải rắn theo quy hoạch (các bãi chôn lấp chất thải rắn tự phát không hợp vệ sinh tại khu vực nông thôn sẽ đóng cửa theo lộ trình đầu tư xây dựng các khu xử lý chất thải rắn của Thành phố).

+ Chất thải rắn xây dựng: Chủ đầu tư công trình chịu trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị chức năng thực hiện việc thu gom, vận chuyển đến các bãi đổ chất thải rắn xây dựng theo quy hoạch đảm bảo các yêu cầu an toàn và vệ sinh môi trường.

+ Phân bùn bể phốt được đơn vị chuyên trách thu gom từ nơi phát sinh vận chuyển về các khu xử lý chất thải rắn theo quy hoạch.

+ Bùn thải thoát nước được đơn vị chuyên trách thu gom từ nơi phát sinh vận chuyển về các bãi chôn lấp bùn thải theo quy hoạch.

+ Đối với chất thải rắn y tế nguy hại và chất thải rắn công nghiệp nguy hại phải được phân loại, bảo quản, lưu giữ, thu gom, vận chuyển tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn vệ sinh môi trường và theo quy định về quản lý chất thải rắn nguy hại. Chủ nguồn thải có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn nguy hại và được xử lý tại các khu xử lý chất thải rắn nguy hại theo quy hoạch và theo đúng quy định về xử lý chất thải rắn nguy hại. Các lò đốt chất thải rắn y tế nguy hại đang hoạt động tại các bệnh viện sẽ được đóng cửa từng bước phù hợp với lộ trình đầu tư xây dựng các khu xử lý chất thải rắn nguy hại của thành phố.

- Các trạm trung chuyển chất thải rắn

Dự báo khối lượng chất thải rắn được thu gom, vận chuyển đến trạm trung chuyển có hạ tầng kỹ thuật phục vụ Thành phố Hà Nội khoảng 6.700 - 10.200 tấn/ngày và dự kiến bố trí 5 trạm trung chuyển tại 3 vùng:

+ Vùng I: Dự báo khối lượng chất thải rắn khoảng 4.600 - 7.700 tấn/ngày, phạm vi phục vụ của các tuyến thu gom, vận chuyển và các trạm trung chuyển chất thải rắn:

. Trạm trung chuyển Thanh Lâm, huyện Mê Linh: Quy mô 1,5 ha, tiếp nhận khoảng 750 - 1.000 tấn/ngày và chất thải rắn công nghiệp khoảng 350 tấn/ngày, phục vụ khu vực các huyện (Đông Anh - Mê Linh), thị trấn Kim Hoa.

. Trạm trung chuyển Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm: Quy mô 1,5 ha, tiếp nhận khoảng 850 - 1.000 tấn/ngày phục vụ các quận (Cầu Giấy, Nam Từ Liêm, Bắc Từ Liêm, Thanh Xuân).

. Các trạm trung chuyển cỡ nhỏ và vừa phục vụ cho khu vực nội đô, tiếp nhận khoảng 2.500 - 3.000 tấn/ngày. Vị trí các trạm trung chuyển cỡ nhỏ và cỡ vừa sẽ được xác định trong quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết.

. Các khu vực gần khu xử lý được thu gom, vận chuyển về các khu xử lý thuộc vùng I.

+ Vùng II: Dự báo khối lượng chất thải rắn tiếp nhận khoảng 1.000 tấn/ngày, phạm vi phục vụ của các tuyến thu gom, vận chuyển và trạm trung chuyển chất thải rắn như sau:

. Trạm trung chuyển Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì: Quy mô 1,5 ha, tiếp nhận khoảng 800 - 1.000 tấn/ngày, phục vụ quận Hà Đông, huyện Thanh Trì, Thanh Oai.

. Các khu vực gần khu xử lý được thu gom vận chuyển về các khu xử lý thuộc vùng II.

+ Vùng III: Dự báo khối lượng chất thải rắn tiếp nhận khoảng 1.300 - 1.500 tấn/ngày. Phạm vi phục vụ của các tuyến thu gom, vận chuyển và các trạm trung chuyển chất thải rắn như sau:

. Trạm trung chuyển Quốc Oai, huyện Quốc Oai: Quy mô 1,5 ha, tiếp nhận khoảng 500 - 700 tấn/ngày phục vụ một phần quận Hà Đông, các huyện (Hoài Đức, Quốc Oai).

. Trạm trung chuyển Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ: Quy mô 1,5 ha, tiếp nhận khoảng 500 - 700 tấn/ngày phục vụ huyện Chương Mỹ và một phần huyện Hoài Đức.

. Các khu vực gần khu xử lý được thu gom vận chuyển về các khu xử lý thuộc vùng III.

c) Quy hoạch các khu xử lý chất thải rắn:

Quy hoạch xử lý chất thải rắn Thủ đô Hà Nội xác định có 17 khu xử lý chất thải rắn trong đó 08 khu hiện hữu được nâng cấp, mở rộng và 09 khu đầu tư mới, được phân theo 3 vùng như sau:

* Vùng I: Có 5 khu xử lý chất thải rắn

- Khu xử lý chất thải rắn Sóc Sơn (hiện có tiếp tục xây dựng mở rộng)

+ Vị trí: Tại xã Nam Sơn, Bắc Sơn và Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn.

+ Diện tích hiện có 83,5 ha, mở rộng đến năm 2020 là 157 ha; năm 2030 là 257 ha; năm 2050 là 280 ha.

+ Công suất đến năm 2020 khoảng 4.500 tấn/ngày; năm 2030 khoảng 6.000 tấn/ngày; năm 2050 khoảng 7.000 tấn/ngày.

+ Chức năng: Xử lý chất thải rắn sinh hoạt, phân bùn bể phốt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn công nghiệp nguy hại, chất thải rắn y tế thông thường và chất thải rắn y tế nguy hại.

+ Công nghệ:

. Tái chế nhựa, giấy, sắt thép....

. Công nghệ sinh học xử lý chất thải rắn hữu cơ thành phân vi sinh.

. Công nghệ đốt kết hợp thu hồi năng lượng.

. Chôn lấp hợp vệ sinh có thu hồi năng lượng.

+ Phạm vi phục vụ: Khu vực nội đô, các quận (Nam Từ Liêm, Bắc Từ Liêm, các huyện (Sóc Sơn, Đông Anh, Mê Linh, Thanh Trì). Riêng chất thải rắn công nghiệp phục vụ xử lý liên tỉnh (Vĩnh Phúc, Bắc Ninh và Hưng Yên).

- Khu xử lý chất thải rắn Việt Hùng (hiện có tiếp tục sử dụng)

+ Vị trí: Tại xã Việt Hùng, huyện Đông Anh, Hà Nội.

+ Diện tích hiện có 8,75 ha.

+ Công suất đến năm 2020 khoảng 300 tấn/ngày; năm 2030 khoảng 600 tấn/ngày; năm 2050 khoảng 600 tấn/ngày.

+ Chức năng: Xử lý chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp thông thường.

+ Công nghệ:

. Tái chế nhựa, giấy, sắt thép...

. Công nghệ sinh học xử lý chất thải rắn hữu cơ thành phân vi sinh.

. Công nghệ đốt kết hợp thu hồi năng lượng.

+ Phạm vi phục vụ: Khu vực huyện Đông Anh và hỗ trợ một phần xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường cho Khu xử lý Sóc Sơn.

- Khu xử lý chất thải rắn Kiêu Kỵ (hiện có tiếp tục sử dụng).

+ Vị trí: Xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm.

+ Diện tích hiện có 14 ha.

+ Công suất đến năm 2030 khoảng 550 tấn/ngày; năm 2050 khoảng 1.000 tấn/ngày (khi đã xây dựng được nhà máy đốt).

+ Chức năng: Xử lý chất thải rắn sinh hoạt, phân bùn bể phốt.

+ Công nghệ:

. Chôn lấp hợp vệ sinh có thu hồi năng lượng (đến năm 2020 sẽ dừng chôn lấp);

. Tái chế nhựa, giấy, sắt thép....

. Công nghệ sinh học xử lý chất thải rắn hữu cơ thành phân vi sinh.

+ Phạm vi phục vụ: Quận Long Biên và huyện Gia Lâm.

- Khu xử lý chất thải rắn Phù Đổng (xây dựng mới)

+ Vị trí: Xã Phù Đổng - huyện Gia Lâm.

+ Diện tích đến năm 2020 là 7,5 ha; năm 2030 là 12,5 ha; đến năm 2050 là 20 ha.

+ Công suất đến năm 2020 khoảng 550 tấn/ngày; năm 2030 khoảng 850 tấn/ngày; năm 2050 khoảng 1.200 tấn/ngày.

+ Chức năng: Xử lý chất thải rắn sinh hoạt, xử lý phân bùn bể phốt.

+ Công nghệ:

. Tái chế nhựa, giấy, sắt thép...

. Công nghệ sinh học xử lý chất thải rắn hữu cơ thành phân vi sinh.

. Công nghệ đốt kết hợp thu hồi năng lượng.

. Chôn lấp hợp vệ sinh có thu hồi năng lượng.

+ Phạm vi phục vụ: Quận Long Biên, huyện Gia Lâm. Trường hợp cần thiết có thể được hỗ trợ một phần cho các khu xử lý chất thải rắn Sóc Sơn, Việt Hùng.

- Khu xử lý chất thải rắn Cầu Diễn (hiện có tiếp tục sử dụng)

+ Vị trí: Thị trấn Cầu Diễn, huyện Từ Liêm.

+ Diện tích 3,9 ha và không có khả năng mở rộng.

+ Công suất: khoảng 300 tấn/ngày.

+ Hiện tại là nhà máy xử lý chất thải rắn hữu cơ thành phân compost và đốt chất thải rắn y tế nguy hại.

+ Chức năng: Xử lý chất thải rắn sinh hoạt, phân bùn bể phốt, chất thải rắn y tế nguy hại.

+ Công nghệ sử dụng:

. Công nghệ sinh học xử lý chất thải rắn hữu cơ thành phân vi sinh.

. Công nghệ đốt chất thải y tế nguy hại.

+ Phạm vi phục vụ: Khu vực nội đô.

* Vùng II: Có 6 khu xử lý chất thải rắn

- Khu xử lý chất thải rắn Châu Can (xây dựng mới)

+ Vị trí: Xã Châu Can, huyện Phú Xuyên.

+ Diện tích đến năm 2020 là 7,5 ha; năm 2030 là 13 ha; năm 2050 khoảng 20 ha.

+ Công suất xử lý đến năm 2020 khoảng 450 tấn/ngày; năm 2030 khoảng 800 tấn/ngày; đến năm 2050 khoảng 1.000 tấn/ngày.

+ Chức năng: Xử lý chất thải rắn sinh hoạt, phân bùn bể phốt, chất thải rắn y tế thông thường.

+ Công nghệ áp dụng:

. Tái chế nhựa, giấy, sắt thép...

. Công nghệ sinh học xử lý chất thải rắn hữu cơ thành phân vi sinh.

. Công nghệ đốt kết hợp thu hồi năng lượng.

. Chôn lấp hợp vệ sinh có thu hồi năng lượng.

+ Phạm vi phục vụ: Các huyện (Thường Tín, Phú Xuyên), một phần huyện Thanh Trì.

- Khu xử lý chất thải rắn Cao Dương (xây dựng mới)

+ Vị trí: Xã Cao Dương, huyện Thanh Oai.

+ Diện tích đến năm 2020 là 6 ha; năm 2030 là 9 ha; năm 2050 là 15 ha.

+ Công suất xử lý dự kiến đến năm 2020 khoảng 400 tấn/ngày; năm 2030 khoảng 500 tấn/ngày; đến năm 2050 khoảng 750 tấn/ngày.

+ Chức năng: Xử lý chất thải rắn sinh hoạt, xử lý phân bùn bể phốt.

+ Công nghệ sử dụng:

. Tái chế nhựa, giấy, sắt thép...

. Công nghệ sinh học xử lý chất thải rắn hữu cơ thành phân vi sinh.

. Công nghệ đốt kết hợp thu hồi năng lượng.

. Chôn lấp hợp vệ sinh có thu hồi năng lượng.

+ Phạm vi phục vụ: Các huyện Thanh Oai, Ứng Hòa, một phần huyện Thanh Trì và một phần huyện Thường Tín.

- Khu xử lý chất thải rắn Hợp Thanh (xây dựng mới)

+ Vị trí: Xã Hợp Thanh, huyện Mỹ Đức.

+ Diện tích đến năm 2020 là 2 ha; năm 2030 là 6 ha; năm 2050 là 13 ha.

+ Công suất xử lý dự kiến năm 2020 khoảng 150 tấn/ngày; năm 2030 khoảng 450 tấn/ngày; năm 2050 khoảng 850 tấn/ngày.

+ Chức năng: Xử lý chất thải rắn sinh hoạt, phân bùn bể phốt.

+ Công nghệ:

. Tái chế nhựa, giấy, sắt thép...

. Công nghệ sinh học xử lý chất thải rắn hữu cơ thành phân vi sinh.

. Công nghệ đốt kết hợp thu hồi năng lượng.

+ Phạm vi phục vụ: Khu vực huyện Mỹ Đức và vùng lân cận.

- Khu xử lý chất thải rắn Mỹ Thành (xây dựng mới)

+ Vị trí: Xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Đức.

+ Diện tích đến năm 2020 là 1 ha; năm 2030 là 2,5 ha; năm 2050 là 5,0 ha.

+ Công suất xử lý dự kiến khoảng: 100 tấn/ngày.

+ Chức năng: Xử lý chất thải rắn sinh hoạt, phân bùn bể phốt.

+ Công nghệ: Chôn lấp hợp vệ sinh có thu hồi năng lượng.

+ Phạm vi phục vụ: Khu vực huyện Mỹ Đức và vùng lân cận.

- Khu xử lý chất thải rắn Vân Đình (hiện có tiếp tục xây dựng mở rộng)

+ Vị trí: Xã Vân Đình và xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa.

+ Diện tích hiện có là 3 ha, mở rộng đến năm 2030 là 5 ha; năm 2050 là 7 ha.

+ Công suất xử lý dự kiến khoảng 150 - 200 tấn/ngày.

+ Chức năng: Xử lý chất thải rắn sinh hoạt, phân bùn bể phốt.

+ Công nghệ:

. Tái chế nhựa, giấy, sắt, thép...

. Chôn lấp hợp vệ sinh có thu hồi năng lượng.

. Công nghệ đốt kết hợp thu hồi năng lượng.

+ Phạm vi phục vụ: Khu vực huyện Ứng Hòa.

- Khu xử lý chất thải rắn Đông Lỗ (hiện có tiếp tục xây dựng mở rộng)

+ Vị trí: Xã Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa.

+ Diện tích hiện có là 2 ha, mở rộng đến năm 2030 là 2,5 ha, năm 2050 là 5 ha.

+ Công suất xử lý dự kiến khoảng 150 - 200 tấn/ngày.

+ Chức năng: Xử lý chất thải rắn sinh hoạt, phân bùn bể phốt.

+ Công nghệ:

. Tái chế nhựa, giấy, sắt thép...

. Công nghệ sinh học xử lý chất thải rắn hữu cơ thành phân vi sinh.

. Công nghệ đốt kết hợp thu hồi năng lượng.

. Chôn lấp hợp vệ sinh có thu hồi năng lượng.

+ Phạm vi phục vụ: Khu vực huyện Ứng Hòa.

* Vùng III: Có 6 Khu xử lý chất thải rắn

- Khu xử lý chất thải rắn Xuân Sơn (hiện có tiếp tục xây dựng mở rộng)

+ Vị trí: Thị xã Sơn Tây và huyện Ba Vì.

+ Diện tích hiện có là 13 ha, mở rộng đến năm 2020 là 26 ha; năm 2030 là 57 ha; năm 2050 là 73,5 ha.

+ Công suất xử lý đến năm 2020 khoảng 700 tấn/ngày đêm, đến năm 2030 khoảng 1.600 tấn/ngày; đến năm 2050 khoảng 2.500 tấn/ngày.

+ Chức năng: Xử lý chất thải rắn sinh hoạt, phân bùn bể phốt.

+ Công nghệ sử dụng:

. Tái chế nhựa, giấy, sắt thép...

. Công nghệ sinh học xử lý chất thải rắn hữu cơ thành phân vi sinh.

. Công nghệ đốt kết hợp thu hồi năng lượng.

. Chôn lấp hợp vệ sinh có thu hồi năng lượng.

+ Phạm vi phục vụ: Thị xã Sơn Tây, các huyện Đan Phượng, Hoài Đức, Phúc Thọ, Quốc Oai, Ba Vì, Thạch Thất, Chương Mỹ và một phần quận Hà Đông.

- Khu xử lý chất thải rắn Đan Phượng (xây dựng mới)

+ Vị trí: Xã Phương Đình, huyện Đan Phượng.

+ Diện tích đến năm 2020 là 2 ha; đến năm 2030 là 5 ha; đến năm 2050 là 5 ha.

+ Công suất xử lý: 150 ÷ 300 tấn/ngày.

+ Chức năng: Xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

+ Công nghệ sử dụng:

. Tái chế nhựa, giấy, sắt thép...

. Công nghệ đốt kết hợp thu hồi năng lượng và chôn lấp tro sau đốt.

+ Phạm vi phục vụ: Khu vực các huyện Đan Phượng, Phúc Thọ.

- Khu xử lý chất thải rắn Núi Thoong (hiện có tiếp tục xây dựng mở rộng)

+ Vị trí: Xã Tân Tiến, huyện Chương Mỹ.

+ Diện tích hiện có là 2 ha, mở rộng đến năm 2020 là 3 ha; năm 2030 là 7,50 ha; năm 2050 là 10 ha.

+ Công suất xử lý đến năm 2020 khoảng 200 tấn/ngày; năm 2030 khoảng 450 tấn/ngày; đến năm 2050 khoảng 450 tấn/ngày.

+ Chức năng: Xử lý chất thải rắn sinh hoạt, phân bùn bể phốt.

+ Công nghệ:

. Tái chế nhựa, giấy, sắt thép...

. Công nghệ sinh học xử lý chất thải rắn hữu cơ thành phân vi sinh.

. Công nghệ đốt kết hợp thu hồi năng lượng.

. Chôn lấp hợp vệ sinh có thu hồi năng lượng.

+ Phạm vi phục vụ: Một phần quận Hà Đông, các huyện Chương Mỹ, Quốc Oai, hỗ trợ xử lý chất thải rắn cho Khu xử lý Xuân Sơn.

- Khu xử lý chất thải rắn Lại Thượng (xây dựng mới)

+ Vị trí: Xã Lại Thượng, huyện Thạch Thất.

+ Diện tích đến năm 2020 là 4 ha; năm 2030 là 6 ha; năm 2050 là 11,8 ha.

+ Công suất xử lý đến năm 2020 khoảng 300 tấn/ngày; năm 2030 khoảng 450 tấn/ngày; đến năm 2050 là khoảng 700 tấn/ngày.

+ Chức năng: Xử lý chất thải rắn sinh hoạt, xử lý phân bùn bể phốt.

+ Công nghệ:

. Tái chế nhựa, giấy, sắt thép...

. Công nghệ sinh học xử lý chất thải rắn hữu cơ thành phân vi sinh.

. Công nghệ đốt kết hợp thu hồi năng lượng.

+ Phạm vi phục vụ: Khu vực huyện Thạch Thất, hỗ trợ xử lý chất thải rắn cho khu xử lý chất thải rắn Xuân Sơn.

- Khu xử lý chất thải rắn Đồng Ké (xây dựng mới)

+ Vị trí: Xã Đồng Ké, huyện Chương Mỹ.

+ Diện tích năm 2020 là 5 ha; năm 2030 là 11 ha; năm 2050 là 21 ha.

+ Công suất xử lý dự kiến đến năm 2020 khoảng 350 tấn/ngày; năm 2030 khoảng 600 tấn/ngày; đến năm 2050 khoảng 1.200 tấn/ngày.

+ Chức năng: Xử lý chất thải rắn sinh hoạt, xử lý phân bùn bể phốt, xử lý chất thải y tế thông thường.

+ Công nghệ:

. Tái chế nhựa, giấy, sắt thép...

. Công nghệ sinh học xử lý chất thải rắn hữu cơ thành phân vi sinh.

. Công nghệ đốt kết hợp thu hồi năng lượng.

. Chôn lấp hợp vệ sinh có thu hồi năng lượng.

+ Phạm vi phục vụ: Các huyện Chương Mỹ, Quốc Oai, Hoài Đức và một phần quận Hà Đông.

- Khu xử lý chất thải rắn Tây Đằng (xây dựng mới)

+ Vị trí: Thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì.

+ Diện tích năm 2020 là 1 ha; năm 2030 là 2 ha; năm 2050 là 3 ha.

+ Công suất: Chôn lấp khoảng 100 tấn/ngày.

+ Chức năng: Xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

+ Công nghệ: Chôn lấp hợp vệ sinh có thu hồi năng lượng.

+ Phạm vi phục vụ: Khu vực thị trấn Tây Đằng

Ngoài ra theo quy hoạch chung và quy hoạch vùng Thủ đô Hà Nội còn có khu xử lý chất thải rắn Tiến Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình quy mô khoảng 200 ha sẽ hỗ trợ xử lý chất thải rắn công nghiệp (thông thường và nguy hại) cho Thủ đô Hà Nội.

d) Quy hoạch các bãi đổ chất thải rắn xây dựng và bãi chôn lấp bùn thải thoát nước:

Quy hoạch 26 bãi đổ chất thải rắn xây dựng với diện tích năm 2020 là 39 ha, năm 2030 là 108 ha và 03 bãi chôn lấp bùn thải thoát nước với diện tích năm 2020 là 8 ha, năm 2030 là 23 ha như sau:

7. Công nghệ xử lý chất thải rắn:

+ Công nghệ xử lý chất thải rắn được lựa chọn phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội; khả năng phân loại, tính chất, thành phần chất thải rắn.

+ Công nghệ tái chế có sản phẩm phù hợp với thị trường tiêu thụ.

+ Ưu tiên các công nghệ trong nước, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.

+ Công nghệ áp dụng đối với chất thải rắn thông thường: Công nghệ chế biến phân vi sinh, công nghệ đốt thu hồi năng lượng, công nghệ tái chế, công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh….

+ Công nghệ áp dụng đối với chất thải rắn nguy hại: Công nghệ đốt, công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh…

8. Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư đến năm 2020:

a) Vùng I - Khu vực phía Bắc:

- Mở rộng khu xử lý Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn.
- Xây dựng trạm trung chuyển Tây Mỗ, huyện Từ Liêm.
- Xây dựng bãi đổ chất thải rắn xây dựng Tiến Thắng, huyện Mê Linh.
- Xây dựng bãi đổ chất thải rắn xây dựng Dục Tú, huyện Đông Anh.

b) Vùng II: Khu vực phía Nam:

- Xây dựng khu xử lý Châu Can, huyện Phú Xuyên.
- Xây dựng bãi đổ chất thải rắn xây dựng Chương Dương, huyện Thường Tín.
- Xây dựng bãi đổ chất thải rắn xây dựng Duyên Hà, huyện Thanh Trì.
- Xây dựng bãi chôn lấp bùn thải thoát nước tại xã Chương Dương, huyện Thường Tín.

c) Vùng III: Khu vực phía Tây:

- Mở rộng khu xử lý Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây.
- Xây dựng khu xử lý Đồng Ké, huyện Chương Mỹ.
- Xây dựng bãi đổ chất thải rắn xây dựng Vân Côn, huyện Hoài Đức.
- Xây dựng bãi đổ chất thải rắn xây dựng An Thượng, huyện Hoài Đức.
- Xây dựng bãi đổ chất thải rắn xây dựng Trung Châu, huyện Đan Phượng.

9. Khái toán kinh phí và nguồn vốn đầu tư:

a) Khái toán kinh phí đầu tư:

Tổng nhu cầu vốn cho toàn bộ Quy hoạch chất thải rắn Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 ước khoảng 11.000 tỷ đồng. Trong đó kinh phí xây dựng đến năm 2020 khoảng 3.500 tỷ đồng.

b) Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn ngân sách nhà nước.
- Vốn vay ODA, vốn tài trợ nước ngoài.
- Vốn tín dụng đầu tư.

- Vay vốn thương mại trong nước.

- Vốn từ các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

- Các nguồn vốn hợp pháp khác.

10. Đánh giá môi trường chiến lược:

a) Tác động tích cực đến môi trường:

- Thu gom và xử lý chất thải rắn đảm bảo các yêu cầu vệ sinh môi trường góp phần giảm thiểu tác động có hại của chất thải rắn đối với môi trường.

- Xây dựng các khu xử lý chất thải rắn và áp dụng các công nghệ phù hợp để xử lý triệt để chất thải rắn; hạn chế, xóa bỏ các điểm tập kết và các bãi chôn lấp chất thải rắn không hợp vệ sinh nhằm giảm thiểu ô nhiễm và cải tạo môi trường cho Thủ đô Hà Nội.

- Góp phần bảo vệ sức khỏe cho cộng đồng dân cư và sự phát triển bền vững của các đô thị, các khu công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

b) Dự báo các tác động môi trường khi thực hiện quy hoạch:

- Hoạt động của các xe vận chuyển chất thải rắn có nguy cơ gây ô nhiễm không khí, tiếng ồn, ảnh hưởng đến an toàn giao thông…

- Quá trình xây dựng các khu xử lý chất thải rắn sẽ gây ra các tác động đến môi trường và ảnh hưởng đến cộng đồng.

- Quá trình vận hành các khu xử lý có thể sẽ gây tiếng ồn, bụi, ô nhiễm môi trường.

- Hoạt động vận chuyển tại các điểm tập kết, trạm trung chuyển và vận hành các khu xử lý chất thải rắn có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường (phân tán khí độc, chất độc hại, nước thải ra môi trường…) gây ô nhiễm môi trường nếu quy trình vận hành không đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường.

c) Các giải pháp giảm thiểu tác động đến môi trường:

- Giải pháp sử dụng công nghệ tiên tiến và phù hợp đảm bảo xử lý chất thải rắn theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Khi thực hiện dự án cần xây dựng các biện pháp thi công giảm ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí, tiếng ồn. Xây dựng các biện pháp an toàn và chống tai nạn, sự cố trong quá trình xây dựng.

- Xây dựng và thực hiện đúng các quy định về thu gom, vận chuyển và vận hành khu xử lý chất thải rắn.

- Các dự án khi triển khai phải thực hiện đánh giá tác động môi trường và các biện pháp hỗ trợ khác.

- Thực hiện các biện pháp thu gom và xử lý khí thải, nước thải và khói bụi từ các khu xử lý, bãi chôn lấp chất thải rắn và các biện pháp giảm thiểu theo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

- Xây dựng kế hoạch, chương trình quan trắc chất lượng môi trường không khí, nước mặt, nước ngầm và đất.

- Cảnh báo các sự cố môi trường và đề xuất các giải pháp phòng chống giảm thiểu các ảnh hưởng xấu đến môi trường.

- Nâng cao năng lực quản lý và vận hành các khu xử lý chất thải rắn.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội:

- Tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch xử lý chất thải rắn Thủ đô Hà Nội giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án đầu tư theo Quy hoạch xử lý chất thải rắn Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xây dựng kế hoạch tài chính phù hợp với kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn cho từng giai đoạn; xây dựng cơ chế, chính sách để huy động các nguồn vốn triển khai quy hoạch này. Trong đó, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng và tham gia quản lý chất thải rắn trên địa bàn Hà Nội.

- Rà soát và lập kế hoạch sử dụng đất cho các công trình xử lý chất thải rắn.

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện đồng bộ các dự án từ phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển với các dự án đầu tư xây dựng các khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn theo quy hoạch được duyệt.

- Xây dựng các chương trình tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về vệ sinh môi trường, phân loại chất thải rắn tại nguồn đối với khu vực đô thị và nhân rộng cho khu vực nông thôn.

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, quản lý công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn; xây dựng mô hình doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xử lý chất thải rắn phù hợp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

2. Các Bộ, ngành có liên quan:

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội trong công tác tổ chức giám sát, kiểm tra việc khai thác, quản lý và sử dụng các công trình xử lý chất thải rắn.

- Các Bộ, ngành căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được Chính phủ giao, phối hợp với Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội thực hiện Quy hoạch xử lý chất thải rắn Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. THỦ TƯỚNG**
**PHÓ THỦ TƯỚNG**

**Hoàng Trung Hải**